

Thứ tư, ngày 31 tháng 7 năm 2019

Vietnam Daily Review

Phục hồi trở lại

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 01/08/2019		•	
Tuần 29/7-2/8/2019		•	
Tháng 8/2019		•	

Nhận định:

Thị trường: Trong phiên sáng, VN-Index giằng co quanh mốc tham chiếu trước khi bật tăng trở lại nhờ lực kéo từ các mã bluechips như VHM, GAS, VRE. Đến phiên chiều, đà tăng được nới rộng nhờ lực mua mạnh mẽ của bộ ba cổ phiếu họ Vin như VHM, VRE, VIC. Thị trường hôm nay có phiên hồi phục sau phiên điều chỉnh mạnh hôm trước với việc khối ngoại quay trở lại mua ròng trên cả ba sàn. Thanh khoản chưa có dấu hiệu đột phá cho thấy nhà đầu tư vẫn khá thận trọng trước những quan ngại cuộc đàm phán Trung – Mỹ sẽ không có tiến triển gì mới, đặc biệt là sau những cáo buộc của Tổng thống Trump trên Twitter cũng như khả năng Fed sẽ đưa ra quyết định cắt giảm lãi suất vào ngày 1/8.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo đà tăng của chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp bán ở quanh ngưỡng 885 điểm với các hợp đồng ngắn hạn và nên ưu tiên những nhịp mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 895 điểm cho các hợp đồng dài hạn hơn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 31/07/2019, thị trường chứng quyền diễn biến tích cực trở lại khi hầu hết các mã đều tăng theo đà tăng của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ. Các chỉ báo kỹ thuật đang cho thấy xu hướng tích lũy trong ngắn hạn ở hầu hết các chứng khoán cơ sở. Lực mua khó có thể tiếp diễn trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Vật liệu Xây dựng +1.4%. Danh mục Vật liệu Xây dựng hôm nay tăng +1.4% - vượt trội so với mức tăng +0.6% của VNINDEX. Trong khi đó, danh mục Chiến tranh thương mại giảm nhẹ -0.4%, do tâm lý thận trọng của thị trường chung.

Phân tích kỹ thuật: MSN_Hồi phục (Trang 2)

Điểm nhấn:

- VN-Index **+5.64 điểm**, đóng cửa 991.66. HNX-Index +0.00 điểm, đóng cửa 104.43.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+4.35); HPG (+0.89); VRE (+0.77); BID (+0.51); MWG (+0.41).**
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.49); VCB (-0.44); SAB (-0.37); BVH (-0.26); NVL (-0.19).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index **đạt 2,705.22 tỷ đồng, -10.24 %** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 10.76 điểm. Thị trường có 150 mã tăng và 167 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **7.48 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm HPG (54.89 tỷ), VRE (30.22 tỷ) và VHM (28.27 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 9.67 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX **991.66**
 Giá trị: 2705.22 tỷ **5.64 (0.57%)**
 Khối ngoại (ròng): 7.48 tỷ

HNX-INDEX **104.43**
 Giá trị: 342.65 tỷ **0 (0.00%)**
 Khối ngoại (ròng): 9.67 tỷ

UPCOM-INDEX **58.89**
 Giá trị: 384.24 tỷ **0.46 (0.79%)**
 Khối ngoại(ròng): 38.89 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	58.3	0.50%
Giá vàng	1,430	-0.04%
Tỷ giá USD/VND	23,205	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,878	0.10%
Tỷ giá JPY/VND	21,387	0.11%
LS liên NH 1 tháng	3.3%	2.86%
LS TPCP 5 năm	3.6%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PLX	76.0	PVT	16.0
DGW	29.9	HPG	15.4
KBC	21.3	HDB	9.7
MSN	16.5	PVD	8.0
VJC	16.1	VNM	7.6

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
i-INVEST	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật hiệu suất i-Invest: Danh mục Theme

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Vật liệu Xây dựng +1.4%

Danh mục Theme	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm
Vật liệu Xây dựng	1.4%	-2.0%	0.1%	-1.4%	9.7%	7.4%
Dầu khí	1.3%	1.1%	1.5%	-0.6%	17.0%	21.4%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.0%	0.1%	1.8%	-0.2%	10.4%	4.5%
Nước & Năng lượng	0.9%	-2.1%	-1.5%	-1.2%	7.0%	18.3%
Hàng tiêu dùng	0.7%	-0.3%	2.5%	1.9%	7.8%	10.1%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.5%	-1.7%	-0.8%	-5.4%	3.2%	-5.4%
BDS & Khu công nghiệp	0.3%	-1.1%	-0.8%	-1.6%	4.2%	0.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.3%	0.0%	2.6%	3.3%	6.9%	7.9%
Ngân hàng	0.2%	-0.6%	4.9%	1.9%	6.1%	1.8%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.1%	-2.5%	-1.7%	1.0%	7.7%	20.8%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.0%	-3.2%	-1.7%	-4.4%	3.3%	-0.6%
Xây dựng	-0.1%	-2.9%	-1.8%	-1.4%	-5.1%	-12.4%
Chiến tranh thương mại	-0.4%	-3.4%	-4.9%	-1.8%	1.4%	12.1%

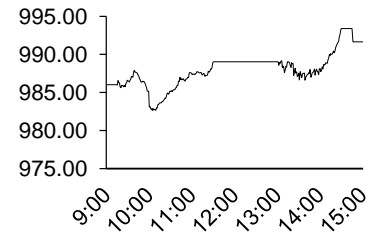
VNINDEX	0.6%	0.3%	2.7%	1.3%	9.1%	3.7%
VN30INDEX	0.6%	-0.5%	2.2%	-0.8%	2.0%	-6.0%

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

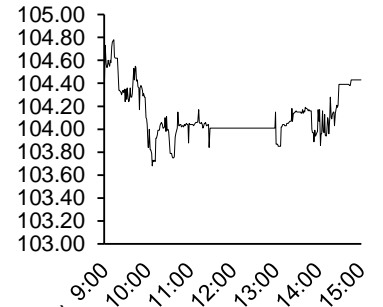
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

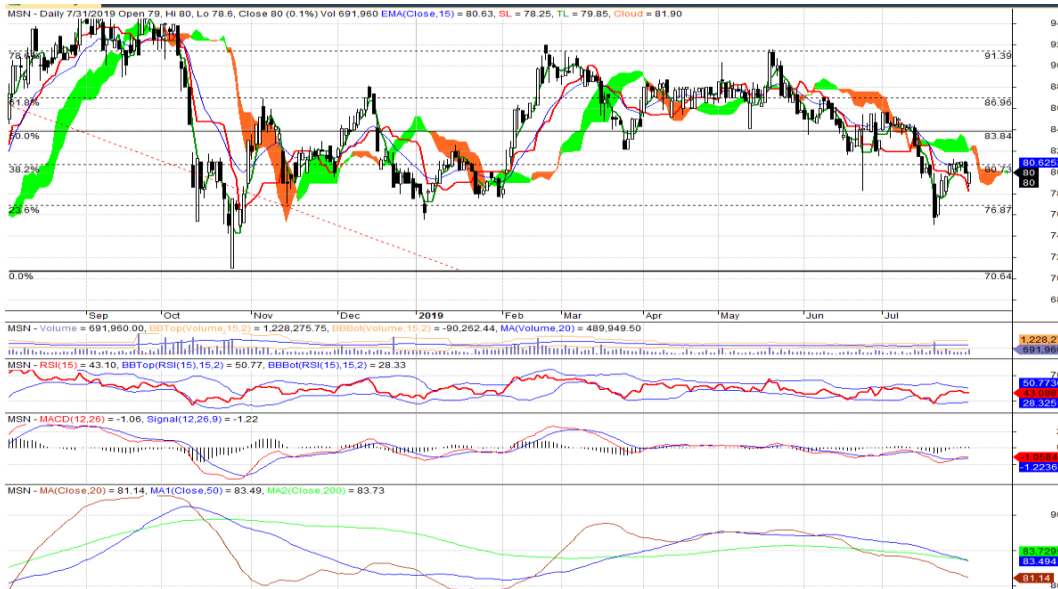
Phân tích kỹ thuật

MSN_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, RSI tăng nhẹ.
- Đường MA: 3 đường MA nằm trong xu hướng giảm.

Nhận định: Cổ phiếu MSN vừa tạo thành mô hình 2 đáy với ngưỡng đáy sau cao hơn ngưỡng đáy trước. Thanh khoản cổ phiếu có xu hướng tăng trở lại đồng thuận với nhịp tăng giá và đã vượt lên ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên. Cả mô hình vận động và đã tăng thanh khoản đều báo hiệu một xu hướng tăng trong khá vững chắc. Chỉ báo MACD đang ủng hộ xu hướng tăng giá của cổ phiếu. Việc đường giá vẫn chưa vượt dải mây ichimoku cũng cho thấy vị thế tăng giá trong trung hạn vẫn chưa hoàn toàn xác định. Như vậy, MSN sẽ kiểm tra lại vùng kháng cự 88-90 trong các phiên giao dịch tới.



Hình 3

Vận động ngành trong ngày

Ngành	%±
Truyền thông	-2.96%
Bảo hiểm	-1.11%
Thực phẩm và đồ uống	-0.26%
Y tế	-0.23%
Du lịch và Giải trí	-0.21%
Ngân hàng	-0.02%
Dịch vụ tài chính	0.02%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.30%
Công nghệ Thông tin	0.33%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.37%
Điện, nước & xăng dầu khí c	0.39%
Hóa chất	0.58%
Xây dựng và Vật liệu	0.69%
Dầu khí	1.27%
Động sản	1.54%
Ô tô và phụ tùng	1.81%
Bán lẻ	2.52%
Tài nguyên Cơ bản	3.53%

Nguồn: FiiPro

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 31/07/2019

*Mặt hàng	DVT	Sáng 31/07	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	58.40	-0.05%	4.50%	-13.69%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	64.97	0.37%	2.82%	-10.26%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.90	2.10%	2.27%	-10.63%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1433.40	0.30%	1.17%	17.18%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	16.55	0.58%	0.95%	6.69%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	879.21	-0.79%	-0.74%	-2.72%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	500.17	-0.84%	2.65%	-9.68%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.50	0.17%	0.57%	23.94%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	222.80	-1.24%	-3.09%	35.85%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	US cent/lb	12.15	0.66%	1.42%	15.17%	SBT, LSS, SLS, QNS,	VNM, GTN, QNS
Chè	USD/kg	2.87	0.00%	13.89%	-3.69%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	99.50	-1.63%	-2.74%	-9.46%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.67	-1.40%	-0.84%	-2.32%	MSN, ACM, BGM	CAV. SAM, TGP, VTH
Nhôm	USD/ton	4051.00	-0.47%	-0.27%	-3.11%		CAV. SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/ton	1803.00	-0.44%	-0.72%	-13.36%	HSG, HPG, NKG	PC1. CTD, HBC
Quặng sắt	USD/ton	118.00	0.00%	-1.26%	72.26%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Than đá	USD/ton	74.50	-0.67%	-1.23%	-30.37%	HSG, HPG, NKG	HSG, HPG, NKG

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 9/2019 đóng cửa ngày 30/7 tăng 1.01 US tương đương 0.6% lên 64.72 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI cùng kỳ hạn tăng 1.18 USD tương đương 2.1% lên 58.05 USD/thùng.
- Giá dầu tăng khoảng 2% đạt mức cao nhất 2 tuần do lạc quan về khả năng tuần này Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) sẽ cắt giảm lãi suất lần đầu tiên trong vòng hơn 10 năm, giúp cho nhu cầu dầu ở thị trường tiêu thụ dầu hàng đầu thế giới này sẽ tăng lên.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.2% lên 1,429.38 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 8/2019 của Mỹ đóng cửa tăng 0.7% lên 1,429.7 USD/ounce.
- Giá vàng biến động nhẹ theo xu hướng đi lên trong phiên vừa qua giữa bối cảnh các nhà đầu tư chờ đợi để biết thêm thông tin về khả năng Fed sẽ hạ lãi suất.

Giá quặng sắt

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Đại Liên phiên vừa qua có lúc tăng 3,5% lên 780 CNY (113,23 USD)/tấn; kết thúc phiên tăng 2,4% lên 771,5 CNY/tấn, cao nhất kể từ 16/7/2019. Quặng sắt hàm lượng 62% nhập khẩu vào Trung Quốc có giá tăng 0,4% lên 117 USD/tấn.
- Giá quặng sắt tại Trung Quốc đã tăng hơn 3% trong phiên vừa qua, nối tiếp đà tăng 4 phiên liên tiếp, do dự báo nhập khẩu nguyên liệu thép này yếu trong tháng 7/2019, do đó nguồn cung tại nước sản xuất thép số 1 thế giới sẽ tiếp tục khan hiếm.

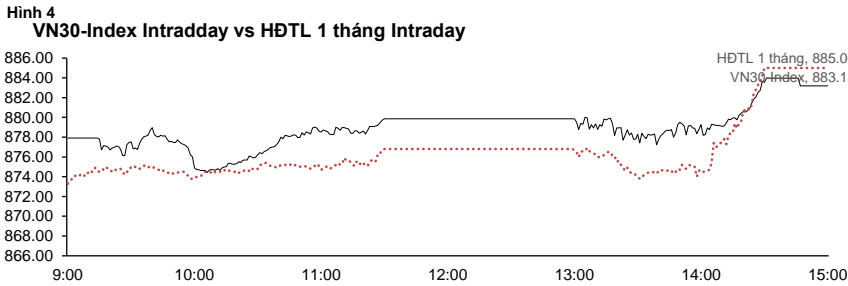
Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9/2019 kết thúc phiên giảm 1.65 US cent tương đương 1.6% xuống 99.5 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 9/2019 giảm 17 USD tương đương 1.2% xuống 1,354 USD/tấn. Giá cà phê quay đầu giảm bởi bất lo ngại về khả năng sương giá gây thiệt hại cho mùa màng ở Brazil.
- Kết thúc phiên vừa qua, giá ngô đã giảm 6 USD cent tương đương 1,5% xuống 4,21 USD/bushel. Giá ngô trên sàn Chicago chạm mức thấp nhất 2 tuần sau khi Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) cho biết sản lượng ngô Mỹ sẽ cao hơn dự đoán của các nhà phân tích. Lúa mì giảm 6-1/4 UScent tương đương 1,4% xuống 4,97-1/4 USD/bushel; đậu tương giảm 7-1/2 UScent tương đương 1,1% xuống 8,96-3/4 USD/bushel, thấp nhất 1 tháng.

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su ngày 30/7/2019 kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 3.1 JPY tương đương 1.7% xuống 177.9 JPY (1.64 USD)/kg. Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 9/2019 giảm 20 CNY xuống 10.636 CNY (1.545 USD)/tấn.
- Giá cao su trên sàn Tokyo giảm trong phiên giao dịch vừa qua giữa bối cảnh lo ngại Malaysia và Indonesia có thể tăng xuất khẩu sau khi kết thúc giai đoạn kiểm chế xuất khẩu (ngày 31/7/2019).

Thị trường hợp đồng tương lai



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	Chênh lệch	%	KLGD	Ngày tới hạn	Số ngày
VN30F1908	885.00	1.20%	1.81	0.0%	92561	8/15/2019	17
VN30F1909	886.30	0.72%	3.11	-20.9%	378	9/19/2019	52
VN30F1912	890.00	0.45%	6.81	-4.8%	59	12/19/2019	143
VN30F2003	888.30	0.59%	5.11	3.0%	34	3/19/2020	234

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 5.27 điểm lên mức 883.19 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VHM, HPG, MWG, VRE, MBB tác động mạnh đến xu hướng tăng của VN30. VN30 đang hoạt động quanh ngưỡng hỗ trợ 880 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật cho thấy chỉ số đang tích lũy quanh ngưỡng hỗ trợ này.
- Các HDTL đều tăng theo đà tăng của chỉ số cơ sở. Khối lượng giao dịch của các hợp đồng đều đang giảm và vị thế mở đang tăng lên cho hợp đồng VN30F1909 và VN30F1912, cho thấy kỳ vọng giảm giá đang tăng dần trong trung hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán ở quanh ngưỡng 885 điểm với các hợp đồng ngắn hạn và nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 895 điểm cho các hợp đồng dài hạn hơn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Ngày đáo hạn	Thời gian còn lại	CR**	KI giao dịch	± Ngày	Độ lệch chuẩn
CHPG1904	SSI	9/30/2019	61	1:1	38,500	279.3%	29.96%
CHPG1905	SSI	12/30/2019	152	1:1	15,290	-75.9%	29.96%
CHPG1902	KIS	12/11/2019	133	5:1	407,780	21.2%	29.96%
CMBB1901	SSI	9/28/2019	59	1:1	150,190	-53.9%	21.30%
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	43	2:1	46,090	290.6%	29.96%
CPNJ1901	MBS	9/10/2019	41	5:1	45,740	216.3%	22.75%
CMWG1903	HSC	12/30/2019	152	5:1	71,720	0.4%	20.87%
CMWG1904	SSI	12/30/2019	152	1:1	13,150	-53.4%	20.87%
CHPG1901	MBS	9/10/2019	41	2:1	33,300	128.9%	29.96%
CMBB1902	HSC	12/17/2019	139	1:1	59,230	57.0%	21.30%
CFPT1903	SSI	12/30/2019	152	1:1	49,540	65.3%	18.93%
CMWG1901	BSC	9/9/2019	40	4:1	82,500	295.5%	20.87%
CMWG1902	VND	12/11/2019	133	4:1	100,680	522.2%	20.87%
CFPT1901	VND	9/11/2019	42	2:1	49,990	-26.1%	18.93%
CFPT1902	SSI	9/30/2019	61	1:1	86,410	38.5%	18.93%
CVNM1901	KIS	12/13/2019	135	10:1	134,560	-43.3%	22.20%

Chú thích:
* Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
** Tỷ lệ chuyển đổi

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 31/07/2019, thị trường chứng quyền diễn biến tích cực trở lại khi hầu hết các mã đều tăng theo đà tăng của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ.
- CHPG1904 và CHPG1905 tăng giá nhiều nhất lần lượt là 15.29% và 12.89%. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ 2.72%, CHPG1902 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 29% thị trường.
- Các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết, và có sự phân hóa về trạng thái. CMWG1904 và CMWG1901 đang là những chứng quyền có trạng thái lãi lớn nhất. CMWG1901 và CMWG1902 đang là những chứng quyền có tỷ suất sinh lời lớn nhất. Các chỉ báo kỹ thuật đang cho thấy xu hướng tích lũy trong ngắn hạn ở hầu hết các chứng khoán cơ sở. Lực mua khó có thể tiếp diễn trong những phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 1
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	22.55	4.88	2.48
VHM	88.20	5.00	2.10
MWG	106.80	2.99	1.27
VRE	36.95	3.07	0.69
MBB	22.20	1.60	0.63

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	20.6	-0.72	-0.49
STB	10.7	-1.38	-0.37
NVL	57.7	-1.20	-0.33
VIC	122.0	-0.41	-0.30
VPB	18.6	-0.54	-0.25

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giá phát hành	Giá chứng quyền	± Ngày	Giá Lý thuyết *
2,200	1,810	15.29%	936
3,300	3,240	12.89%	1,692
1,000	530	8.16%	0
1,900	2,590	7.47%	1,736
1,500	910	7.06%	349
1,700	2,120	6.00%	331
2,700	4,200	5.26%	2,932
14,000	23,020	4.49%	19,023
1,200	1,030	1.98%	399
3,200	3,280	1.23%	1,581
6,000	6,840	0.74%	4,297
2,000	5,050	-0.39%	4,741
2,990	5,530	-0.54%	4,677
1,900	2,900	-2.03%	1,903
3,800	4,650	-2.31%	3,233
1,200	950	-3.06%	31

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG1901	96,300	88,300	106,800
CHPG1901	47,999	22,900	22,550
CHPG1902	168,888	41,999	22,550
CHPG1903	22,100	23,200	22,550
CMBB1901	23,700	20,600	22,200
CMBB1902	26,300	21,800	22,200
CMWG1902	48,990	90,000	106,800
CPNJ1901	26,300	77,981	76,800
CVNM1901	47,200	158,888	123,200
CFPT1902	96,981	46,000	48,400
CFPT1903	57,000	46,000	48,400
CHPG1904	98,800	23,100	22,550
CHPG1905	93,300	23,100	22,550
CMWG1903	25,800	95,000	106,800
CMWG1904	165,000	90,000	106,800
CFPT1901	27,000	45,000	48,400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	106.8	3.0%	0.7	2,056	3.1	7,893	13.5	4.7	49.0%	36.0%
PNJ	Bán lẻ	76.8	0.7%	1.0	744	1.0	4,727	16.2	4.2	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	84.0	-1.5%	1.3	2,560	0.4	1,503	55.9	3.9	25.7%	7.7%
PVI	Bảo hiểm	36.0	0.6%	0.7	362	0.2	3,025	11.9	1.2	51.2%	10.6%
VIC	Bất động sản	122.0	-0.4%	1.1	17,748	2.2	1,673	72.9	6.9	15.0%	8.9%
VRE	Bất động sản	37.0	3.1%	1.1	3,741	3.6	1,033	35.8	3.0	32.5%	8.8%
NVL	Bất động sản	57.7	-1.2%	0.8	2,334	1.2	3,686	15.7	2.7	7.1%	20.8%
REE	Bất động sản	32.8	0.5%	1.1	441	0.4	5,261	6.2	1.1	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	17.4	-3.6%	1.4	264	1.1	3,744	4.6	1.1	48.6%	27.0%
SSI	Chứng khoán	23.2	-0.6%	1.3	514	1.5	2,169	10.7	1.3	58.7%	11.9%
VCI	Chứng khoán	33.6	0.3%	1.0	238	0.1	5,067	6.6	1.5	37.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.4	0.2%	1.4	284	0.5	1,434	14.9	1.5	57.0%	11.1%
FPT	Công nghệ	48.4	1.3%	0.8	1,427	2.3	4,349	11.1	2.5	49.0%	21.9%
FOX	Công nghệ	40.0	-2.9%	0.4	433	0.0	3,778	10.6	2.7	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	109.1	0.1%	1.5	9,079	0.6	6,019	18.1	4.7	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	65.5	1.4%	1.5	3,334	2.8	3,412	19.2	3.5	13.0%	18.2%
PVS	Dầu khí	22.4	1.4%	1.7	465	2.1	2,351	9.5	0.9	24.2%	9.8%
BSR	Dầu khí	10.9	0.0%	0.8	1,469	0.7	1,163	9.4	1.1	41.1%	11.0%
DHG	Dược	99.0	-0.9%	0.5	563	0.1	4,602	21.5	4.2	54.2%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.4	-0.7%	0.7	245	0.2	838	17.2	0.7	20.3%	4.9%
DCM	Hóa chất	8.3	-0.7%	0.7	192	0.1	894	9.3	0.7	2.6%	7.6%
VCB	Ngân hàng	80.2	-0.5%	1.3	12,933	1.8	4,730	17.0	3.8	23.9%	25.4%
BID	Ngân hàng	35.5	1.4%	1.5	5,277	1.4	2,107	16.8	2.2	3.2%	13.8%
CTG	Ngân hàng	20.8	0.2%	1.6	3,359	2.0	1,470	14.1	1.1	30.0%	8.1%
VPB	Ngân hàng	18.6	-0.5%	1.2	1,981	1.2	2,989	6.2	1.3	23.2%	19.7%
MBB	Ngân hàng	22.2	1.6%	1.1	2,040	3.7	3,215	6.9	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	22.8	-0.4%	1.1	1,607	0.9	3,438	6.6	1.6	34.3%	26.4%
BMP	Nhựa	48.5	1.4%	0.9	173	0.3	5,040	9.6	1.6	76.5%	17.2%
NTP	Nhựa	39.0	5.4%	0.4	151	0.0	4,490	8.7	1.5	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.7	-2.9%	1.2	653	0.1	732	22.8	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.6	4.9%	1.0	2,707	6.3	2,898	7.8	1.4	38.7%	19.9%
HSG	Thép	7.3	0.8%	1.5	135	0.5	425	17.3	0.5	17.7%	1.8%
VNM	Tiêu dùng	123.2	-0.2%	0.7	9,328	4.4	5,465	22.5	7.6	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	279.0	-0.7%	0.8	7,779	0.6	6,735	41.4	10.2	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	80.0	0.1%	1.2	4,066	2.4	3,304	24.2	3.0	40.4%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	16.7	0.6%	0.6	380	1.1	542	30.7	1.4	6.0%	6.1%
ACV	Vận tải	83.2	-1.0%	0.8	7,875	0.5	2,630	31.6	5.9	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	133.4	0.0%	1.1	3,141	4.9	9,850	13.5	5.1	20.3%	43.3%
HVN	Vận tải	41.7	-0.6%	1.7	2,568	1.0	1,747	23.8	3.3	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	26.1	-1.1%	0.8	337	0.5	1,888	13.8	1.3	49.0%	11.3%
PVT	Vận tải	18.3	6.4%	0.7	224	0.8	2,505	7.3	1.3	31.1%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	76.4	3.1%	0.9	521	0.8	7,458	10.2	4.0	2.7%	43.4%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.4	1.0%	0.9	377	0.4	1,333	14.5	1.3	13.0%	9.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.8	0.3%	0.8	262	0.1	1,657	9.5	1.1	6.3%	11.7%
CTD	Xây dựng	113.0	-0.9%	0.7	375	0.3	13,465	8.4	1.1	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.2	1.2%	1.2	503	0.6	1,307	20.0	1.8	0.0%	9.7%
CII	Xây dựng	21.9	0.0%	0.4	236	0.3	337	65.1	1.1	53.0%	1.7%
POW	Điện	14.1	2.2%	0.6	1,436	0.6	820	17.2	1.3	15.0%	7.8%
NT2	Điện	25.5	-0.4%	0.6	319	0.1	2,241	11.4	1.8	22.5%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	88.20	5.00	4.16	991720.00
HPG	22.55	4.88	0.86	6.54MLN
VRE	36.95	3.07	0.76	2.28MLN
BID	35.50	1.43	0.51	933640.00
MWG	106.80	2.99	0.41	684050.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	76.40	3.10	0.08	246200.00
PVS	22.40	1.36	0.08	2.20MLN
NTP	39.00	5.41	0.06	29400.00
CEO	10.40	1.96	0.03	3.74MLN
SHS	9.00	2.27	0.03	359500.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	122.00	-0.41	-0.49	406490.00
VCB	80.20	-0.50	-0.44	512820.00
SAB	279.00	-0.71	-0.38	46980.00
BVH	84.00	-1.52	-0.27	117780.00
NVL	57.70	-1.20	-0.19	494760.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.80	-0.44	-0.17	893000.00
NVB	7.80	-1.27	-0.03	238400.00
DTD	13.70	-9.87	-0.03	457200.00
HUT	2.30	-4.17	-0.02	887000.00
TNG	18.50	-2.12	-0.02	769000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAB	8.87	7.00	0.00	222070.00
HU1	7.67	6.97	0.00	5020.00
SII	21.65	6.91	0.03	20.00
TIE	6.84	6.88	0.00	47100.00
VNL	16.60	6.75	0.00	1600.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPI	0.90	12.5	0.00	15500.00
DNC	30.80	10.0	0.00	100.00
KHS	13.20	10.0	0.01	28500.00
CTX	34.40	9.9	0.02	15400.00
VNT	39.40	9.8	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DCL	16.05	-6.96	-0.02	62850.00
DXV	2.70	-6.90	0.00	2200.00
YBM	10.80	-6.90	0.00	292500.00
TMT	6.89	-6.89	-0.01	4380.00
GMC	32.45	-6.89	-0.01	28190.00

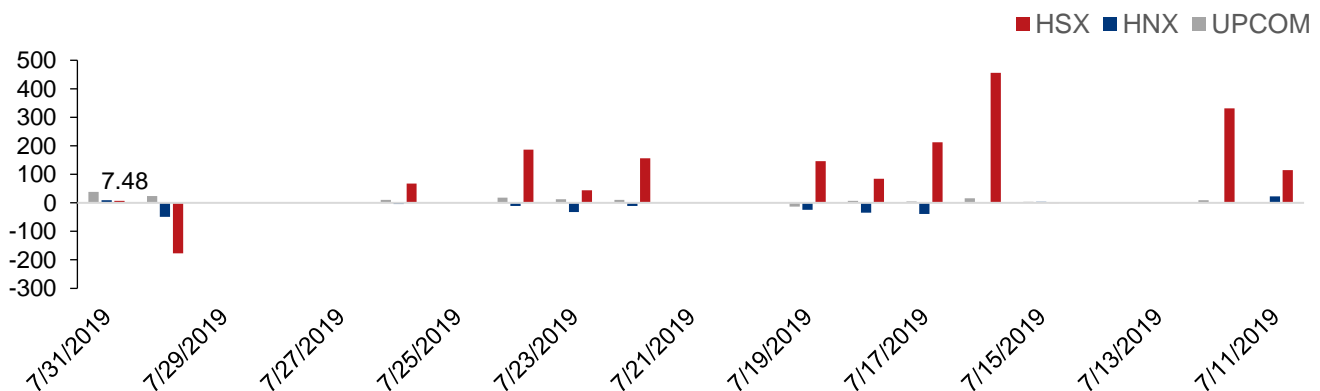
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MCO	1.80	-10.00	0.00	8000.00
VNF	21.90	-9.88	-0.01	100.00
DTD	13.70	-9.87	-0.03	457200.00
SCL	3.70	-9.76	0.00	22700.00
VC9	10.20	-9.73	-0.01	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



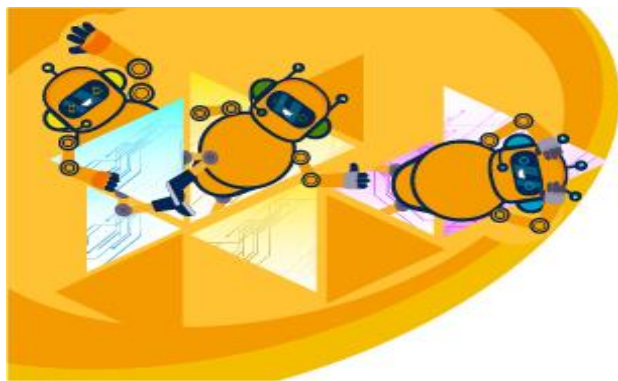
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồ	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
4	2019M2_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
5	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
10	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click
20	tin_20180503	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	61.0	5,276	11.6	3.3	Click
2	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	28.0	4,286	6.5	0.9	Click
3	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	22.8	3,438	6.6	1.6	Click
4	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	18.7	3,754	5.0	1.4	Click
5	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	7.3	425	17.3	0.5	Click
6	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0		48.0	4,314	11.1	3.3	Click
7	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	80.0	3,304	24.2	3.0	Click
8	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	155.5	7,716	20.2	10.4	Click
9	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	26.1	1,888	13.8	1.3	Click
10	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	106.8	7,893	13.5	4.7	Click
11	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	30.4	3,751	8.1	1.6	Click
12	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	8.1	1,433	5.7	0.5	Click
13	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	88.9	18,452	4.8	1.8	Click
14	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	19.9	1,294	15.3	1.5	Click
15	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	18.5	3,481	5.3	1.2	Click
16	LHG	Bất động sản	Mua	7/5/2019	18.6	25.5	17.6	2,655	6.6	0.8	Click
17	FPT	Phần mềm	Mua	3/5/2019	50.0	59.1	48.4	4,349	11.1	2.5	Click
18	DGW	Bán lẻ	Mua	8/4/2019	22.9	27.4	22.4	3,149	7.1	1.1	Click
19	HDG	Bất động sản	Mua	8/4/2019	42.5	58.0	36.5	8,518	4.3	2.1	Click
20	GEX	Thiết bị điện	Mua	1/4/2019	23.0	30.2	22.6	2,589	8.7	1.6	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER
Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TLG 2019Q3	30/7/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 58515 ; Giá tại Publish 54000 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu TLG với giá mục tiêu 58,515 VND/cp, upside 4.5% với phương pháp định giá P/E. Chúng tôi đánh giá, TLG là cổ phiếu ổn định, cổ tức đều hàng năm cũng như không biến động nhiều về LN. BSC dự báo TLG sẽ ghi nhận DTT và LNST lần lượt đạt mức 3,255 tỷ VND (+13% yoy) và 330 tỷ VND (+12.1% yoy), EPS 2019 (đã trừ 5% quỹ KTPL) = 4,433 VND/cp.
Express BMI 2019Q3	30/7/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 30100 ; Giá tại Publish 24000 BSC dự báo, BMI sẽ ghi nhận DTT từ hoạt động bảo hiểm đạt mức 3,214 tỷ VND (+1% yoy), LNST = 179 tỷ VND (+10% yoy), BVPS 2019 = 25,104 VND/cp. Định hướng của BMI Tỷ lệ bồi thường bảo hiểm xe cao (45%). Bảo hiểm sức khỏe: kế hoạch tăng trưởng 10%-12%/năm. Đầu tư Tập trung vào tiền gửi lãi suất sao (8%-8.4%), cao hơn nhiều so với kinh doanh trái phiếu.
Express STB 2019Q3	30/7/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 14700 ; Giá tại Publish 11300 BSC dự báo STB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt đạt mức 13,227 tỷ VND (+13.3% yoy) và 2,574 tỷ VND (+14.6% yoy), BVPS 2019 = 14,699 VND/cp. STB là cổ phiếu có thể mua và nắm giữ trong dài hạn nhờ (1) sự tích cực trong việc xử lý nợ xấu, (2) quy mô lớn, có sự phục hồi về LN.
Express PVI 2019Q3	30/7/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 40010 ; Giá tại Publish 37400 BSC dự báo, cho cả năm 2019, PVI sẽ ghi nhận DTT về hoạt động bảo hiểm và LNNT đạt mức 6,305 tỷ VND (+10.9% yoy) và 644 tỷ VND (+17% yoy). KQKD quý 2Q2019 tăng trưởng ấn tượng. Trong 2Q2019, PVI đã ghi nhận DTT từ hoạt động bảo hiểm và LNNT đạt mức 901 tỷ VND (-0.7% yoy) và 288 tỷ VND (+187.6% yoy).

BSC Invest
Your Money. You invest

- ✦ Bạn không có thời gian để đầu tư
- ✦ Bạn băn khoăn với biến động thị trường
- ✦ Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

• BSC i-Invest là nền tảng giao dịch trực tuyến kiểu mới dành cho khách hàng của BSC. Khác với phương thức quen thuộc là đặt lệnh theo từng mã cổ phiếu, i-Invest sử dụng phương thức quản lý và thực hiện mua bán theo danh mục đầu tư. Dựa vào nhu cầu, đặc điểm, mức độ ưa thích rủi ro của khách hàng, hệ thống i-Invest ngay lập tức đưa ra danh mục đầu tư phù hợp với kỳ vọng lợi nhuận tốt nhất cho khách hàng.

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật danh mục trên i-Invest

Danh mục	Hiệu suất danh mục							
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm 4 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Vật liệu Xây dựng	1.4%	-2.0%	0.1%	-1.4%	9.7%	7.4%	15.6%	180.0%
Dầu khí	1.3%	1.1%	1.5%	-0.6%	17.0%	21.4%	24.2%	-10.4%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.0%	0.1%	1.8%	-0.2%	10.4%	4.5%	90.3%	149.9%
Nước & Năng lượng	0.9%	-2.1%	-1.5%	-1.2%	7.0%	18.3%	58.8%	108.1%
Xây dựng	-0.1%	-2.9%	-1.8%	-1.4%	-5.1%	-12.4%	26.1%	84.0%
Chiến tranh thương mại	-0.4%	-3.4%	-4.9%	-1.8%	1.4%	12.1%	13.9%	126.9%
* Note	Danh mục Vật liệu Xây dựng hôm nay tăng +1.4% - vượt trội so với mức tăng +0.6% của VNINDEX . Trong khi đó, danh mục Chiến tranh thương mại giảm nhẹ -0.4%, do tâm lý thận trọng của thị trường chung.							
Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 15	1.3%	-0.8%	2.1%	1.2%	3.8%	-0.2%	65.0%	162.8%
Danh mục 5	1.0%	-0.2%	3.0%	-0.6%	8.6%	7.8%	83.7%	154.0%
Danh mục 1	1.0%	-0.8%	2.4%	1.0%	4.5%	2.5%	64.0%	131.4%
Danh mục 14	0.0%	-0.8%	0.2%	-0.9%	5.0%	3.8%	37.1%	49.6%
Danh mục 13	0.0%	-2.2%	-0.5%	-1.1%	0.9%	0.8%	28.5%	121.0%
* Note	Nhìn chung tất cả các danh mục đầu tư theo Mục tiêu đều có hiệu suất khả quan .							
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 25	0.9%	-1.9%	4.1%	8.3%	23.6%	37.0%	183.1%	248.9%
Danh mục 23	0.5%	-1.2%	1.4%	-0.9%	6.2%	10.1%	119.9%	207.5%
Danh mục 21	0.4%	-1.3%	2.2%	0.8%	9.7%	4.5%	43.6%	55.6%
Danh mục 19	0.1%	-0.3%	3.0%	3.6%	9.2%	7.7%	52.8%	125.0%
Danh mục 20	-0.3%	-1.3%	1.7%	1.8%	3.4%	10.5%	18.6%	175.8%
* Note	Đa số các danh mục đầu tư theo Rủi ro đều có mức hiệu suất ngày tích cực . Đặc biệt trong tháng 7, Danh mục 25 và danh mục 19 đã tăng vượt trội so với VNINDEX.							
INDEX								
VNINDEX	0.6%	0.3%	2.7%	1.3%	9.1%	3.7%	52.0%	67.0%
VN30INDEX	0.6%	-0.5%	0.8%	-1.2%	2.7%	-6.5%	38.2%	39.1%

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

